

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108A/2025/DSST

Ngày: 10/6/2025

V/v tranh chấp: “Chia thừa kế QSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

2. Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, rút kinh nghiệm vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp: “Chia thừa kế QSDĐ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Nguyễn Thị H V, Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1962.

2. Ông Võ Tuấn V, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện TPĐ, Tiền Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Hồng D, sinh năm 1967.

2. Ông Võ Hoàng G, sinh năm 1968.

3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963.

4. Ông Võ Hoà B, sinh năm 1972.

5. Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm 1988.

6. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện TPĐ, Tiền Giang.

7. Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1955.

8. Chị Võ Thị Bích H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, Tiền Giang.

(Bà V, bà C, bà A, ông B có mặt; ông Y, anh L xin vắng mặt; ông V, anh K, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hạnh V trình bày:*

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022, tôi căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111 ngày 26/11/1997, ghi chủ sử dụng đất là hộ Nguyễn Thị L nên tôi có yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ. Ngày 09/9/2024, tôi có đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện là chia thừa kế di sản của cụ L đối với các thửa đất 17, 354 và 355.

Mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1935, chết ngày 13/4/2021. Cụ Nguyễn Thị L có 08 người con gồm: Nguyễn Kim A, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Thị C, Võ Hồng D, Võ Hoàng G, Võ Hoà B, Võ Tuấn V và tôi (Nguyễn Thị H V). Bà Nguyễn Kim A, ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị C là con của cụ L và cụ Nguyễn Văn N (chết năm 1964). Ông Võ Hồng D, ông Võ Hoàng G, ông Võ Hoà B, ông Võ Tuấn V và tôi là con của cụ L và cụ Võ Văn V (chết năm 1989).

Từ trước năm 1975, cụ L được nhà nước chế độ cũ giao đất canh tác gồm các thửa đất như sau: Thửa 01, 17, 260, 354 và 355. Từ sau năm 1975, cụ L tiếp tục quản lý canh tác đến khi chết. Ngày 23/9/2011, hộ cụ L tặng cho ông Võ Hồng D và bà Võ Thị N thửa đất số 01 nên đất còn lại gồm các thửa 17, 260, 354 và 355. Ông Y sống chung nhà với cụ L. Sau khi cụ L chết, ông Y đã quản lý các thửa đất 354 và 355. Ông B quản lý thửa đất số 17 đến nay.

Trên thửa đất số 354 có 01 căn nhà của cụ L (nhà tình thương), xây lại từ năm 2004. Ngoài ra, còn có 01 căn nhà của bà C xây khoảng năm 1983. Trên thửa đất 355 có 01 căn nhà của ông Giang xây từ năm 1998. Trên thửa đất số 17, có 01 căn nhà của ông B xây từ năm 2003. Cụ L cho bà C, ông Gang và ông B xây nhà ở trên đất nhưng chưa làm thủ tục tặng cho.

Nguồn gốc các thửa đất là của cụ L nên nay là di sản của cụ L để lại. Cụ L chết không để lại di chúc. Sau khi cụ L chết, di sản của cụ L chưa được phân chia.

Thửa đất 260 là đất ven rạch, bị ngập nước và sạt lở hiện không canh tác được nên tôi không yêu cầu giải quyết. Các thửa đất còn lại gồm thửa đất 17, 354 và 355 có diện tích thực tế tổng cộng là 8.325,3m² (thửa số 17 diện tích 3.231m², thửa 354 diện tích 3.632m², thửa 355 diện tích 1.462,3m²).

Nay tôi yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thừa nhất của cụ L gồm: Nguyễn Kim A, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Thị C, Võ Hồng D, Võ Hoàng G, Võ Hoà B, Võ Tuấn V và tôi. Tôi xin nhận 01 suất thừa kế là 1/8 của tổng diện tích các thửa đất là 1.040,6m². Tôi xin nhận đất tại thửa 17. Cây Dừa trên các thửa

đất do cụ L trồng trên 30 năm. Tôi yêu cầu được sử dụng cây Dừa trên phần đất được chia. Tôi không yêu cầu chia thừa kế nhà của cụ L.

** Tại biên bản lấy L khai ngày 20/3/2024, bị đơn Nguyễn Văn Y trình bày:*

Thông nhất các thửa đất tranh chấp gồm thửa 17, 206, 354, 355 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111 ngày 26/11/1997. Đồng ý chia đất cho các thành viên trong hộ cụ L vì thực tế cụ L đã cho đất các con cất nhà ở từ lâu. Trên các thửa đất, cụ L có trồng cây Dừa trên 30 năm. Đồng ý giao số cây Dừa trên phần đất chia cho người nào thì người đó tiếp tục sử dụng. Ông Y không yêu cầu chia đất cho cá nhân ông Y.

* Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Võ Tuấn V hợp lệ. Nhưng ông V không gửi văn bản trình bày ý kiến, cũng không đến dự phiên tòa.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 21/02/2023, tôi có yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ là căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111 ngày 26/11/1997, ghi cấp cho “hộ” Nguyễn Thị L. Ngày 09/9/2024, tôi có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu độc lập là yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ L đối với các thửa đất 17, 354 và 355.

Tôi thống nhất về nguồn gốc các thửa đất 17, 344, 345 là di sản của cụ L. Thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của cụ L là 08 người con như bà V trình bày. Cụ L chết không để lại di chúc. Di sản của cụ L chưa được phân chia. Thửa đất 260 hiện không canh tác được nên không yêu cầu giải quyết.

Năm 1983, tôi được cụ L cho cất nhà ở trên thửa đất 354. Ngoài ra, thửa đất 354 còn có căn nhà của cụ L xây lại vào năm 2004. Trên thửa đất 17 có căn nhà của ông B. Trên thửa đất 355 có căn nhà của ông Giang. Tôi, ông B, ông Giang chưa được bà L làm thủ tục tặng cho đất.

Tôi thống nhất với kết quả thẩm định, đo đạc các thửa đất ngày 29/3/2024. Tôi yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ L theo pháp luật đối với các thửa đất 17, 344, 345 cho 08 người trong hàng thừa kế của bà L. Tôi xin nhận 01 suất thừa kế là 1/8 của tổng diện tích các thửa đất là 1.040,6m². Tôi xin nhận đất tại thửa 354 tại vị trí có căn nhà của tôi. Tôi yêu cầu được sử dụng cây dừa trên đất được chia. Tôi không yêu cầu chia thừa kế căn nhà của cụ L.

** Tại bản tự khai biên bản hòa giải, và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Hòa B trình bày:*

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 27/02/2023, tôi có yêu chia quyền sử dụng đất trong hộ là căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111 ngày 26/11/1997, ghi cấp cho “hộ” Nguyễn Thị L. Ngày 09/9/2024, tôi có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu độc lập là yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ L đối với các

thửa đất 17, 354 và 355.

Thông nhất về nguồn gốc thửa thửa 17, 344, 345 là do chế độ cũ giao cho cụ L canh tác nên là di sản của cụ L. Thông nhất về hàng thừa kế thứ nhất của cụ L là 08 người con như bà V trình bày. Tôi được cụ L cho đất cất nhà ở từ năm 2003 tại thửa số 17. Tôi thống nhất với kết quả thẩm định, đo đạc các thửa đất. Tôi yêu cầu chia thừa kế di sản của bà L theo pháp luật. Tôi xin nhận 01 suất thừa kế là 1.040,6m². Tôi xin nhận đất tại thửa 17, tại vị trí có nhà của tôi và yêu cầu sử dụng các cây Dừa trên đất. Tôi không yêu cầu chia thừa kế căn nhà của cụ L.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 21/10/2022, tôi có yêu cầu độc lập là yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ là căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111 ngày 26/11/1997, ghi cấp cho “hộ” Nguyễn Thị L. Ngày 09/9/2024 tôi có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu là chia thừa kế di sản của cụ L đối với các thửa đất 17, 354 và 355.

Tôi thống nhất về nguồn gốc các thửa đất 17, 344, 345 là di sản của cụ L. Tôi thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của cụ L là 08 người con như bà V trình bày. Cụ L chết không để lại di chúc. Di sản của cụ L chưa được phân chia. Thửa đất 260 hiện không canh tác được nên không yêu cầu giải quyết.

Tôi được cụ L làm giấy tay cho 625m² đất thuộc thửa số 17 nhưng chưa làm thủ tục tặng cho. Nay tôi yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ L theo pháp luật. Tôi xin nhận 01 suất thừa kế là 1.040,6m² đất tại thửa 17, tại vị trí kế phần đất chia cho ông B.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Quốc L trình bày:*

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh L là thành viên trong hộ cụ L. Từ nhỏ, anh đã thấy cụ L có các thửa đất đang tranh chấp nên thống nhất các thửa đất 17, 354 và 355 là di sản của cụ L để lại. Anh L không bỏ công sức cải tạo đất. Do trước đây bà V khởi kiện yêu cầu chia đất trong hộ nên anh L có yêu cầu độc lập là chia đất trong hộ cụ L. Nay các chị em của bà V trình bày thống nhất nguồn gốc các thửa đất là của cụ L; không phải đất của các thành viên hộ cụ L tạo lập, nên anh L xin rút lại yêu cầu; không yêu cầu chia đất trong hộ cụ L.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc K và chị Võ Thị Bích H trình bày cùng nội dung:*

Các anh chị là thành viên trong hộ cụ L tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các anh chị thống nhất theo L trình bày của bà V, bà A, bà C và ông B. Các thửa đất do Nhà nước chế độ cũ giao cho cụ L canh tác trước 1975. Các anh chị không bỏ công sức cải tạo đất. Do trước đây bà V khởi kiện yêu cầu chia đất trong hộ nên các anh chị yêu cầu chia đất trong hộ cụ L.

* Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Hồng D và Võ Hoàng G hợp lệ. Nhưng ông Giang và ông Danh không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không đến dự phiên tòa.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định tư cách người tham gia tố tụng; việc xác minh thu thập chứng cứ; giao nhận chứng cứ; việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H V và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị A, Võ Hòa B yêu cầu chia di sản của cụ L là các thửa đất 17, 254 và 355 với tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 8.325,3m² cho 08 người gồm: Bà A, ông Y, ông V, bà C, ông Giang, ông Danh, ông B và bà V mỗi người là 1/8 tổng diện tích các thửa đất tại vị trí có nhà các ông bà đang sử dụng; Tạm giao phần thừa kế của ông Y, ông V, ông Giang, ông Danh cho ông Y quản lý. Cây trồng trên đất chia cho ai thì người đó sử dụng. Đình chỉ yêu cầu chia đất của anh Nguyễn Quốc L. Không chấp nhận yêu cầu chia đất của anh Nguyễn Quốc K và chị Võ Thị Bích H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện:

Nguyên đơn, bà V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà C, bà A, ông B có yêu cầu độc lập chia thừa kế quyền sử dụng đất nên đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo qui định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc L xin vắng mặt. Bị đơn, ông Võ Tuấn V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Quốc K, chị Võ Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung khởi kiện

[2.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111, ngày 26/11/1997 (bút lục 17) ghi tên chủ sử dụng là “hộ” Nguyễn Thị L. Các đương sự trình bày, thửa đất 206 do hiện trạng thực tế không sử dụng được (đất sát Rạch, bị sạt lở hết) nên không yêu cầu giải quyết. Các đương sự yêu cầu giải quyết đối với các thửa đất gồm thửa 17, 354, 355. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Qua đo đạc thực tế, thửa số 17 có diện tích 3.231m², thửa 354 có diện tích 3.632m², thửa 355 có diện tích 1.462,3m². Tổng diện tích của 03 thửa đất theo thực tế là 8.325,3m². Do đó, lấy diện tích thực tế để phân chia.

[2.2] Theo đơn khởi kiện của bà V và đơn yêu cầu độc lập của bà C, bà A và ông B. Các đương sự cùng có yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ đối với các thửa đất 17, 354, 355. Đến ngày 09/9/2024, các đương sự có đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện là chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 17, 454, 455. Xét thấy, khi các đương sự yêu cầu chia đất trong hộ và sau khi các đương sự thay đổi quan hệ tranh chấp là chia thừa kế theo pháp luật thì đối tượng tranh chấp vẫn là các thửa đất số 17, 354 và 355. Do đó, việc thay đổi nội dung khởi kiện, nội dung yêu cầu độc lập không ảnh hưởng đến đối tượng tranh chấp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 111, ngày 26/11/1997, các thửa đất 17, 354, 355 do hộ Nguyễn Thị L đứng tên. Tuy nhiên, tại các biên bản hòa giải ngày 26/7/2024 và ngày 13/01/2025 (bút lục từ 245-248, 297-299) và tại phiên tòa, hàng thừa kế của cụ L xác định, nguồn gốc các thửa đất do Nhà nước chế độ cũ cấp cho cụ L và cụ N canh tác từ trước năm 1975. Sau khi cụ N chết (khoảng năm 1968), cụ L sống với chồng sau là cụ V và tiếp tục canh tác các thửa đất đến khi cụ V chết (năm 1989) thì cụ L quản lý canh tác đến khi chết (năm 2021). Xét thấy, tại thời điểm giao đất, cụ L và cụ N là vợ chồng và cùng nhận đất sử dụng nên xác định các thửa đất là tài sản chung của cụ L và cụ N. Đến sau khi cụ N chết, cụ L chung sống với cụ V. Cụ L và cụ V tiếp tục canh tác đất nên cụ V có công sức cải tạo đất với cụ L. Tuy nhiên, hàng thừa kế của cụ L gồm có con của cụ L với cụ N và con của cụ L với cụ V đều thống nhất và có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất cho 08 người con của cụ L. Như vậy, sự thỏa thuận và yêu cầu của các đương sự, phù hợp quy định pháp luật và không làm thiệt thòi cho quyền lợi của các đương sự. Do đó, có cơ sở xác định các thửa đất số 17, 354 và 355 là di sản của cụ L sau khi chết để lại. Tại phiên tòa, các đương sự trình bày thống nhất sau khi chết, cụ L không để lại di chúc. Di sản của cụ L chưa được phân chia, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và yêu cầu độc lập của bà A, bà C và ông B về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L theo pháp luật.

[2.4] Các đương sự có yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật (đất). Bà C, ông B xin nhận đất tại vị trí có nhà đang ở. Các đương sự trình bày thống nhất, trên các thửa đất cụ L trồng trên 30 năm. Các đương sự yêu cầu, được sử dụng số cây Dừa trên phần đất được chia. Đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.5] Anh L, anh K và chị H là thành viên trong hộ bà L (con bà C). Các anh chị cùng có yêu cầu độc lập là chia quyền sử dụng đất trong hộ Nguyễn Thị L. Tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/7/2014 (bút lục từ 245-248), các đương sự trình bày thống nhất các thửa đất có nguồn gốc là của cụ L được nhà nước chế độ cũ giao canh tác trước năm 1975. Các anh chị không đóng góp công sức cải tạo đất. Ngày 13/01/2025, anh L xin rút yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ. Đây là sự tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của anh L. Riêng anh K và chị H giữ nguyên yêu cầu độc lập là yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ cụ L. Như đã phân tích, các thửa đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ L, không phải là tài sản chung của các thành viên trong hộ cụ L nên không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh K và chị H.

[2.6] Ông V, ông Giang và ông Danh không trình bày ý kiến cũng không có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L. Xét thấy, tại “ĐƠN XIN XÁC NHẬN MỐI QUAN HỆ NHÂN THÂN” ngày 11/5/2022 (bút lục 13) và L trình bày của bà V, bà C, bà A, ông B thì ông V, ông Giang và ông Danh là con của cụ L. Do đó, có cơ sở xác định ông V, ông Giang và ông Danh thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L. Nhưng do ông Y, ông V, ông Giang và ông Danh không có đơn yêu cầu chia thừa kế nên không xem xét. Ông Y và ông Giang đang quản lý thửa đất 354 và thửa 455 nên giao 04 suất thừa kế của ông Y, ông Giang, ông Danh và ông V cho ông Y tạm quản lý.

[2.7] Các đương sự trình bày thống nhất, trên thửa đất 354 có căn nhà của cụ L để lại sau khi chết. Các đương sự không yêu cầu chia thừa kế nhà của cụ L nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện tại ông Y đang quản lý, sử dụng nhà của cụ L nên tạm giao ông Y quản lý.

[2.8] Từ những căn cứ như phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông B, bà A và bà C. Chia cho chị V, bà A, bà C, ông B, mỗi người 01 suất thừa kế là 1/8 di sản của cụ L là 1/8 tổng diện tích 3 thửa đất 17, 354 355 là 1.040,6m² đất. Chia cho bà V, bà A tại thửa đất số 17. Chia cho ông B tại thửa đất số 17, tại vị trí có nhà ông B. Chia cho bà C tại thửa đất 354, tại vị trí có nhà của bà C.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí

- Bà V, bà C, bà A, ông B được chia di sản nên phải nộp án phí trên giá trị di sản được chia. Lấy giá đất theo biên bản định giá ngày 20/3/2024, để tính tiền án phí dân sự sơ thẩm. Riêng bà A và bà C, đến ngày xét xử đã trên 60 tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều

12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trả lại bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Y, ông V, ông Giang, ông Danh và anh L không phải nộp tiền án phí sơ thẩm. Trả lại anh L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh K, chị H phải nộp án phí do yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1, 2 và 5 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H V.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C, ông Võ Hòa B, bà Nguyễn Kim A.

- Chia cho bà Nguyễn Thị H V 1.040,6m² đất thuộc thửa 17, có vị trí có tứ cận như sau: Cạnh hướng Đông giáp đất Tăng Văn Liêm là 39,89m; hướng Tây giáp đường Liên ấp Tân B - Tân Hương nối dài: 8,58m + 31,31m; hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 17 là 26,36m; hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 17 (phần chia cho bà A) 25,93m.

- Chia cho bà Nguyễn Thị A 1.040,6m² đất thuộc thửa 17; có vị trí có tứ cận như sau: Cạnh hướng Đông giáp đất Tăng Văn Liêm 40,54m; hướng Tây giáp đường liên ấp Tân B - Tân Hương nối dài là 16,63m + 24m; hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 17 (phần chia cho bà V) 25,93m; hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 17 (phần chia cho ông B) 24,55m.

- Chia cho ông Võ Hòa B 1.040,6m² đất thuộc thửa 17; có vị trí có tứ cận như sau: Cạnh hướng Đông giáp đất Tăng Văn Liêm 42,54m; hướng Tây giáp đường Liên ấp Tân B - Tân Hương nối dài là 4,61 + 1,42m + 36,79m; hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 17 (phần chia cho bà A) 24,55m; hướng Nam giáp đường Rạch Dừa 22m.

- Chia cho bà Nguyễn Thị C 1.040,6m² đất thuộc thửa 354; có vị trí có tứ cận như sau: Cạnh hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 354 là 28,99m; hướng Tây giáp đường Bà Hương là 7,81m + 19,36m + 3,38m; hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 354 là 38,24m; hướng Nam giáp thửa 355 là 30,59m.

- Giao cho ông Nguyễn Văn Y, ông Võ Văn Giang tạm quản lý 109,2m² đất còn lại thuộc thửa 17; 2.591,4m² đất còn lại thuộc thửa 354 và 1.462,3m² đất thuộc thửa 355.

(Có kèm theo mảnh trích đo địa chính số 99-2024, 100-2024 và và sơ đồ minh họa chia đất theo nội dung bản án”)

- Các đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị H V có nghĩa vụ nộp 5.723.300 (năm triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn ba trăm) đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.307.250 (hai triệu ba trăm lẻ bảy nghìn hai trăm năm mươi) đồng, theo biên lai số 0008220, ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông. Như vậy bà V còn phải nộp tiếp 3.416.050 (ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn không trăm năm mươi) đồng, án phí sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.908.000 (một triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng, theo biên lai số 0008463, ngày 21/02/2023, của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông.

- Ông Võ Hòa B có nghĩa vụ nộp 5.723.300 (năm triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn ba trăm) đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.908.000 (một triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng, theo biên lai số 0008472, ngày 27/02/2023, của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông. Như vậy ông B còn phải nộp tiếp 3.815.300 (ba triệu tám trăm mười lăm nghìn ba trăm) đồng, án phí sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Kim A được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Bà A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm).

- Anh Nguyễn Quốc L không nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.908.000 (một triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng, theo biên lai số 0008462, ngày 21/02/2023, của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông.

- Anh Nguyễn Quốc K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.908.000 (một triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng, theo biên lai số 0008465, ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông. Trả lại anh K số tiền chênh lệch là 1.608.000 (một triệu sáu trăm lẻ tám nghìn) đồng.

- Chị Võ Thị Bích H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.908.000 (một triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng, theo biên lai số 0008464, ngày 21/02/2023, của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông. Trả lại chị H số tiền chênh lệch là 1.608.000 (một triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng.

- Các đương sự Nguyễn Văn Y, Võ Tuấn V, Võ Hồng D và Võ Hoàng G không nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Tòa án ND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

